

Trụ Năm 2003			Trụ Tháng 01			Trụ Ngày 11			Trụ Giờ 12:01								
Kiêu NHÂM	NGỌ	Suy Thai	Án QUÝ	SỬU	Q.Đới	Thân GIÁP	Sát THÂN	Q.Đới	Sát CANH	NGỌ	Mộ M.Dục						
Đinh Thương	Kỳ	Tài	Kỷ	Tân	Quý	Canh	Mậu	Tuyệt	Đinh	Kỳ							
Mộ	Mộ	Mộ	Tài	Quan	Án	Sát	T.Tài	Nhâm	Thương	Tài							
Tử			Quan Đới			Tuyệt			Tử								
Tướng Tinh	Không Vọng		Thiên Át QN	Đại Hao		Dịch Mã	Cô Thần		Thiên Đức QN	Không Vọng							
Hồng Diễm			Giáp Lộc			Hồng Diễm			Nguyệt Đức QN								
			Thái Dương			Thái Cực			Tướng Tinh								
									Hồng Diễm								
									Đức Quý Nhân								
Đại Vận 0 (0 - 6 tuổi)			Đại Vận 1 (7 - 16 tuổi)			Đại Vận 2 (17 - 26 tuổi)			Đại Vận 3 (27 - 36 tuổi)								
Án QUÝ	SỬU	Q.Đới	Tỷ GIÁP	DẦN	L.Quan	Kiếp ẤT	MÃO	L.Quan	Thực BÍNH	THÌN	Q.Đới						
Kỷ	Tân	Quý	Giáp	Bính	Mậu		Át		Mậu	Át	Quý						
Tài	Quan	Án	Tỷ	Thực	T.Tài		Kiếp		T.Tài	Kiếp	Án						
Mộ	Dưỡng	Q.Đới	L.Quan	T.Sinh	T.Sinh		L.Quan		Q.Đới	Q.Đới	Dưỡng						
Đại Vận 4 (37 - 46 tuổi)			Đại Vận 5 (47 - 56 tuổi)			Đại Vận 6 (57 - 66 tuổi)			Đại Vận 7 (67 - 76 tuổi)								
Thương ĐINH	TỴ	Đ.Vượng	T.Tài	MẬU	NGỌ	Đ.Vượng	Tài KỶ	MÙI	Q.Đới	Sát CANH	THÂN						
Bính	Mậu	Canh	Đinh	Kỷ			Kỷ	Át	Đinh	Canh	Mậu						
Thực	T.Tài	Sát	Thương	Tài			Tài	Kiếp	Thương	Sát	T.Tài						
L.Quan	L.Quan	T.Sinh	L.Quan	L.Quan			Q.Đới	Dưỡng	Q.Đới	L.Quan	Nhâm						
Đại Vận 8 (77 - 86 tuổi)			Đại Vận 9 (87 - 96 tuổi)			Đại Vận 10 (97 - 106 tuổi)			Đại Vận 11 (107 - 116 tuổi)								
Quan TÂN	DÂU	L.Quan	Kiêu NHÂM	TUẤT	Q.Đới	Án QUÝ	HỢI	Đ.Vượng	Tỷ GIÁP	TỴ	M.Dục						
	Tân		Mậu	Đinh	Tân	Giáp	Nhâm		Quan	Quy							
	Quan		T.Tài	Thương	Quan	Tỷ	Kiêu		TÂN	Án							
	L.Quan		Mộ	Dưỡng	Q.Đới	T.Sinh	L.Quan		L.Quan	L.Quan							
Kiêu NHÂM	2002	1 tuổi	Án QUÝ	2003	2 tuổi	Tỷ GIÁP	2004	3 tuổi	Kiếp ẤT	2005	4 tuổi						
Thương ĐINH	2007	6 tuổi	Át.Tài MẬU	2008	7 tuổi	Tài KỶ	2009	8 tuổi	Sát CANH	2010	9 tuổi						
Kiêu NHÂM	2012	11 tuổi	Án QUÝ	2013	12 tuổi	Tỷ GIÁP	2014	13 tuổi	Kiếp ẤT	2015	14 tuổi						
Thương ĐINH	2017	16 tuổi	T.Tài MẬU	2018	17 tuổi	Tài KỶ	2019	18 tuổi	Sát CANH	2020	19 tuổi						
Kiêu NHÂM	2022	21 tuổi	Án QUÝ	2023	22 tuổi	Tỷ GIÁP	2024	23 tuổi	Kiếp ẤT	2025	24 tuổi						
Thương ĐINH	2027	26 tuổi	T.Tài MẬU	2028	27 tuổi	Tài KỶ	2029	28 tuổi	Sát CANH	2030	29 tuổi						
Kiêu NHÂM	2032	31 tuổi	Án QUÝ	2033	32 tuổi	Tỷ GIÁP	2034	33 tuổi	Kiếp ẤT	2035	34 tuổi						
Thương ĐINH	2037	36 tuổi	T.Tài MẬU	2038	37 tuổi	Át.Tài KỶ	2039	38 tuổi	Sát CANH	2040	39 tuổi						
Kiêu NHÂM	2042	41 tuổi	Án QUÝ	2043	42 tuổi	Tỷ GIÁP	2044	43 tuổi	Kiếp ẤT	2045	44 tuổi						
Thương ĐINH	2047	46 tuổi	T.Tài MẬU	2048	47 tuổi	Tài KỶ	2049	48 tuổi	Sát CANH	2050	49 tuổi						
Kiêu NHÂM	2052	51 tuổi	Án	2053	52 tuổi	Tỷ	2054	53 tuổi	Kiếp ẤT	2055	54 tuổi						

NHAM	I HAN	T.Sinh	QUY	DẬU	Bệnh	GIAP	I UAI	Dưỡng	AI	HỢI	Tứ	BINH	I Y	Thai
Thương ĐỊNH	2057 SỬU	56 tuổi Mộ	T.Tài MẬU	2058 DÀN	57 tuổi T.Sinh	Tài KỶ	2059 MÃO	58 tuổi Bệnh	Sát CANH	2060 THÌN	59 tuổi Dưỡng	Quan TÂN	2061 TỴ	60 tuổi Tử

Kim Hòa Thủy Thủ Mộc **⚡ Thiên khắc địa xung**

Giới Thiệu

Thân chào Quý Anh Xemtuong,

Chúng tôi xin gửi đến Quý Anh Xemtuong lá số tú trù này và luận giải cùng Quý Anh những vấn đề mà Quý Anh đang quan tâm trong lá số. Trong phần bình giải Quý Anh hãy xem kỹ câu nào đúng với mình nhất và bỏ qua những câu không đúng, vì trong phần bình giải chúng tôi nhập rất nhiều lời giải, bao gồm những lời giải ví dụ cho các trường hợp khác mà có thể trong lá số Quý Anh không có.

Trước khi vào phần chi tiết thì chúng tôi xin nói sơ về tú trù, bát tự hay tú trù là dùng phương pháp cân bằng ngũ hành để bù khuyết cho những ai có ngũ hành thiếu như thiếu mộc, hỏa, kim, thủy nhằm cải vận cho vận trình của cuộc đời, mang lại hạnh phúc và thành công trong cuộc sống thông qua học thuật mệnh lý. Môn mệnh lý học này giúp Quý Anh dự đoán vận trình may rủi trong đời người thông qua bốn trụ: năm, tháng, ngày và giờ mà con người được sinh ra.

Trải qua hàng ngàn năm, bát tự giúp người ứng dụng dự đoán phần nào những sự việc sẽ xảy ra trong cuộc sống hằng ngày, từ hôn nhân đến sự nghiệp, thời tiết... nhằm đem lại sự thuận lợi cho cuộc sống.

Bát tự chú trọng đến cung vị. Nó cung cấp những tri thức để người dùng thông qua ngày tháng, năm sinh biết những chỗ thừa, chỗ thiếu nhằm tìm ra những yếu tố (dụng thần) giúp cân bằng sự thiếu hụt đó. Bát tự cho biết thời vận tốt xấu để người dùng dự đoán trước vận mệnh mình hòng tìm ra những yếu tố hợp lý để cải vận.

Cho dễ hiểu hơn, tú trù là dùng luật ngũ hành tương sinh tương khắc và theo qui tắc cứ quân bình là tốt: hễ “hành” nào thiếu thì đi vào vận có hành đó hoặc có một hành sinh ra nó (ví dụ thiếu hỏa, di vận có hỏa hoặc có mộc sinh hỏa) mới tốt.

Quý Anh nên lưu ý rằng tất cả các lời giải của chúng tôi điều là phán đoán dựa theo các sách dự đoán theo tú trù và kinh nghiệm cá nhân, do đó chúng tôi không bảo đảm tính chính xác và không chịu trách nhiệm với bất kỳ lý do gì về lời giải, Quý Anh cần phải xem [nội quy](#) trước khi xem tiếp để tránh rắc rối sau này.

Phần can chi 12 con giáp của tú trù được tính theo lịch tiết khí, do đó đôi lúc nó sẽ khác can chi 12 con giáp của lịch âm, như tử vi, bói toán. Do đó Quý Anh đừng nghĩ chúng tôi lập trình can chi 12 con giáp của phần tú trù này sai, mà là nó được lập theo lịch tiết khí nên sẽ khác lịch âm.

Phần tú trù này được chúng tôi viết mới hoàn toàn bằng ngôn ngữ web php, dưới sự giám sát chặt chẽ và cố vấn từ các chuyên gia mệnh học của XemTướng.net, và trong thời gian tới chúng tôi sẽ liên tục cập nhật những thuật toán mới để lá số được bình giải đúng và chính xác nhất.

Chúc Quý Anh mạnh khỏe, thành công và tìm được điều có ích sau khi xem vận mệnh!

Xemuong.net

Phân Tích Lá Số Tú Trù

Thông Căn của Nhật Nguyên

Nhật nguyên là **Giáp Mộc** gấp địa chi trù năm **Ngọ Hỏa** được Thông căn Mô *.

Nhật nguyên là **Giáp Mộc** gấp địa chi trù tháng **Sửu Thủ** không thông, là vô căn.

Nhật nguyên là **Giáp Mộc** gấp địa chi trù ngày **Thân Kim** không thông, là vô căn.

Nhật nguyên là **Giáp Mộc** gấp địa chi trù giờ **Ngọ Hỏa** được Thông căn Mô *.

Sự thông cǎn của nhật nguyên là một thành phần để xét thân vượng và thân nhược. Cǎn càng nhiều thì can càng vững mạnh và khả năng thân vượng càng cao.

Điểm 3/10

Lệnh Tháng với tú trụ

Can Năm **Nhâm** sinh tháng **Sửu** tọa ở **Suy** nên không được Lệnh tháng.

Can Tháng **Quý** sinh tháng **Sửu** tọa ở **Quan** **Đới** nên được Lệnh tháng.

Can Ngày **Giáp** sinh tháng **Sửu** tọa ở **Quan** **Đới** nên được Lệnh tháng.

Can Giờ **Canh** sinh tháng **Sửu** tọa ở **Mộ** nên không được Lệnh tháng.

Thai nguyên: **Giáp** **Thìn** (Thai nguyên tức là tháng thụ thai)

Thai Tức: **Kỷ** **Tỵ** (Thai tức là một cặp can chi tương hợp với can chi ngày sinh)

Sau khi kết hợp can chi của Thai nguyên và Thai tức thì chúng tôi cho rằng giữa hai cặp can chi Giáp Thìn và Kỷ Tỵ này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Xét Cung Mệnh, Thai Nguyên và Tú Trụ

Thai nguyên **Giáp** **Thìn** nạp âm là **Hỏa**, gặp cung mệnh Canh **Tuất** nạp âm là Kim là tương khắc, theo lý là cuộc đời Quý Anh ít được phúc lộc.

Thai nguyên **Giáp** **Thìn** nạp âm là **HỎA**, gặp trù năm **Nhâm** **Ngọ** nạp âm là **MỘC** là tương sinh thì trong khoản thời gian ở tuổi thiếu niên được sung túc ấm êm.

Thai nguyên **Giáp** **Thìn** nạp âm là **HỎA**, gặp trù tháng **Quý** **Sửu** nạp âm là **MỘC** là tương sinh thì trong khoản thời gian ở tuổi thanh niên được sung túc ấm êm.

Thai nguyên **Giáp** **Thìn** nạp âm là **HỎA**, gặp trù ngày **Giáp** **Thân** nạp âm là **THỦY** là tương khắc thì trong khoản thời gian ở tuổi trung niên có biến động nhẹ.

Thai nguyên **Giáp** **Thìn** nạp âm là **HỎA**, gặp trù giờ **Canh** **Ngọ** nạp âm là **THỔ** là tương sinh thì trong khoản thời gian ở tuổi già được sung túc ấm êm.

Thai Nguyên và Cung Mệnh chủ đích nói về **Quí** và **Thọ**, nghĩa là xem mệnh được thuận hay bị xung khắc, trường thọ hay đoản thọ. Tương tự như Cục trong Tử Vi, 2 trù này cho ta một cái nhìn khái quát về bản số và cuộc sống chung quanh. Khi Thai và Mệnh được sinh, không bị khắc chế, thì dù tú trụ kém cỏi, vẫn hưởng được an nhàn hay sống thọ. Cho đến nay, rất ít người dùng 2 trù này để bồ túc cho tú trụ, hoặc chỉ có những người nghiên cứu lâu năm tự nhận thêm vào mệnh số, củng cố cho sự luận đoán của mình.

Xét Ngũ Hành Can Chi Tú Trụ

Chúng tôi thấy rằng trù Năm **Nhâm** **Ngọ** là **Thủy** khắc **HỎA**.

Chúng tôi thấy rằng trù Tháng **Quý** **Sửu** là **Thổ** khắc **Thủy**.

Chúng tôi thấy rằng trù Ngày **Giáp** **Thân** là Kim khắc **MỘC**.

Chúng tôi thấy rằng trù Giờ **Canh** **Ngọ** là **HỎA** khắc Kim.

Sau khi phân tích ngũ hành sinh khắc của tú trụ thì chúng tôi cho rằng Mệnh cục ngũ hành này quá xấu, tối nết tắt đường, tuy nhiên biết kết hợp thời cơ dụng thần đắc lực nắm quyền (khi đến đại vận và lưu niên phù hợp) thì vận khí sẽ đi lên và có thể thực hiện những việc quan trọng mà có thể tránh được rủi ro.

Điểm 0/8

Xét thiên can địa chi trù ngày

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ năm thì giữa hai cặp can chi Giáp Thân và Nhâm Ngọ này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ tháng thì giữa hai cặp can chi Giáp Thân và Quý Sửu này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ giờ thì giữa hai cặp can chi Giáp Thân và Canh Ngọ này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Thân Vượng: **MỘC** 37/50

Qua phân tích can Nhật chủ với các thiên can địa chi trong tú trụ thì chúng tôi cho rằng Quý Anh có Thân **MỘC** Vượng, với số điểm phân tích của chúng tôi là **37/50** điểm. Tuy nhiên chúng tôi có thêm một thuật toán khác về thân vượng nhược mà ở đây **19/36** điểm cũng là thân Vượng do đó rất chắc chắn Quý Anh là **Thân**

Vượng Mộc. Để Quý Anh rõ hơn thì chúng tôi xin công bố điểm bình quân của cả hai cách tính thân vượng nhược, cách chính thì điểm bình quân là 25 điểm, cách phụ là 18 điểm, chỉ cần điểm tăng lên hay giảm xuống 1 điểm ở ranh giới thôi là kết quả vượng nhược khác nhau, dó đó hãy nhìn điểm bình quân để biết thân vượng nhược nhiều hay ít.

Theo lý nếu thân mà nhược thì dụng thần sẽ là một hành mà có thể sinh thêm cho thân nhược, còn nếu thân vượng thì dụng thần sẽ là một hành xung khắc với thân vượng để hãm bớt thân vượng. Ở đây là thân Vượng Mộc thì dụng thần nên là Kim để khắc bởi Mộc, tuy nhiên đó chỉ là lý thuyết, hiện nay chúng tôi đang dùng một thuật toán tính dụng thần khác của chuyên gia mệnh học XemTuong.net, và có thể có dụng thần của chuyên gia khác với dụng thần lý thuyết, tuy nhiên nếu dụng thần lý thuyết trùng với dụng thần của chuyên gia thì sẽ thêm phần chắc chắn.

Về Dụng Thần

Dụng thần là cái làm cân bằng Tứ Trụ (trừ các trường hợp ngoại lệ). Từ dụng thần có thể dự đoán được mọi họa hay phúc của đời người qua các vận và lưu niên, nó không chỉ có thể giúp ta lập luận chính xác sự việc trong từng đại hạn hay tiểu hạn mà còn hỗ trợ chúng ta thoát những vận hiềm nghèo hoặc giúp ta bắt được những thời cơ tốt trong cuộc đời để mưu sự thành công. Có nghĩa là nếu dụng thần của Quý Anh là hỏa thì đến những năm có hành hỏa hoặc những tháng có hành hỏa như mùa hè hoặc làm thứ gì liên quan tới hành hỏa thì sẽ được vượng khí may mắn, công thành danh toại, bệnh tật tiêu trừ còn nếu làm những thứ chống lại dụng thần Hỏa như hành Thủy thì công việc đổ bể, bệnh càng thêm nặng (lưu ý Hỏa đây chỉ là ví dụ).

Ví dụ Quý Anh là một người có bối cảnh bát tự là cây cổ thụ ở giữa sông hồ, mưa phùn, gió lạnh, sinh ra lúc tờ mờ sáng, thiếu ánh mặt trời. Vậy Dụng Thần của Quý Anh là gì? Đó là Hỏa và Thổ, vì Hỏa sưởi ấm cho Quý Anh khỏi chết rét, Thổ san lấp ngăn chặn những dòng sông đổ về để Quý Anh không chết úng.

Dụng Thần: Hỏa Kim (cả 2 dụng thần ngang hàng nhau)

Dụng Thần là Hỏa (dụng thần 1)

Hành Hỏa đại diện cho màu tím, đỏ, cam, màu của lửa, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Nam. Thích hợp với những nghề nghiệp và lĩnh vực kinh doanh có liên quan đến các phương diện như: Chiếu sáng, phát sáng, quang học, nhiệt độ lớn, dễ cháy, các loại dầu, các loại cồn, thực phẩm nóng, thực phẩm, cắt tóc, mỹ phẩm hóa trang, trang sức trên người, văn nghệ, văn học, dụng cụ văn phòng phẩm, học sinh văn hóa, văn nhân, tác giả, tác phẩm, biên tập, nhà giáo, hiệu trưởng, thư ký, xuất bản, công vụ, giới chính trị... Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành Hỏa đều tốt cho Quý Anh vì Hỏa là dụng thần của Quý Anh. Quý Anh có thể dùng bắn tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành Hỏa.

Quý Anh nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Anh dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

Dụng Thần là Kim (dụng thần 2)

Hành Kim đại diện cho màu trắng, bạc, màu ánh kim, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Tây, hướng Tây Bắc. Kim đại diện cho các sự vật như kim cương, vàng bạc, trang sức, tài chính, kinh tế, ngân hàng, quỹ tín dụng, cơ khí kim loại, máy móc, xe cộ, công cụ kim loại, đồ gia dụng bằng thép, nhôm, đồ dùng nhà bếp bằng thép, sắt, đồng hồ, gương soi. Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành Kim đều tốt cho Quý Anh vì Kim là dụng thần của Quý Anh. Quý Anh có thể dùng bắn tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành Kim.

Quý Anh nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Anh dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

Gợi ý chọn dụng thần

Thông thường chúng tôi đưa ra từ 2 đến 3 dụng thần cùng lúc, một trong những dụng thần này có cái sẽ tốt cho thân vượng và có cái sẽ tốt cho thân nhược và Quý Anh nên chọn 1 dụng thần để làm dụng thần chủ đạo, những dụng thần còn lại để làm phụ đạo. Nếu Quý Anh là thân nhược thì hãy chọn dụng thần tương

sinh để sinh thêm cho thân nhược, còn nếu Quý Anh là **thân vượng** thì chọn dụng thần **tương khắc** để khắc hâm bớt thân vượng. Quý Anh hãy xem bản ngũ hành xung khắc bên dưới để biết thêm, mũi tên màu đỏ chỉ những hành xung khắc với nhau còn mũi tên màu xanh chỉ những hành sinh hợp với nhau.

Ngoài ra Quý Anh có thể dùng mèo nhỏ này để xem năm nào tốt với Quý Anh, ví dụ chữ dụng thần Quý Anh có chữ màu xanh lá và màu đỏ thì Quý Anh hãy xem trên lá số ở các ô đại vận, lưu niên nào có hành can chi (con giáp) cùng màu với màu dụng thần thì đó là những năm dụng thần may mắn của Quý Anh, trùng một màu thì tốt ít, trùng cả hai can chi là tốt nhiều, trùng cả đại vận và lưu niên là cực tốt, đó chính là thời cơ để Quý Anh mưu sự làm ăn.

Thiên khắc địa xung

Trụ Năm Nhâm Ngọ bị **Mậu Tý** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Mậu Tý**.

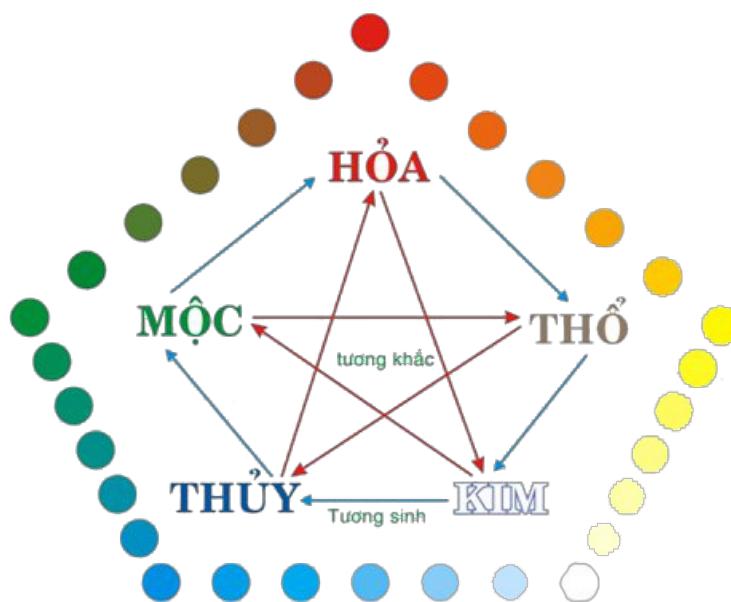
Trụ Tháng Quý Sửu bị **Kỷ Mùi** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Kỷ Mùi**.

Trụ Ngày Giáp Thân bị **Canh Dần** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Canh Dần**.

Trụ Giờ Canh Ngọ bị **Bính Tý** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Bính Tý**.

Theo chúng tôi nhật nguyên (hành can trụ ngày) sợ nhất thiên khắc địa xung. Vì vậy người đoán mệnh sau khi tìm ra Bát tự, cần lập tức xem thiên can địa chi "thiên khắc địa xung" là gì, xem đại vận (10 năm) có gặp hay không, lại xem niên vận từng năm có gặp hay không. Nếu như có, thì phải đặc biệt cẩn thận. Nghiêm trọng nhất là "thiên khắc địa xung" không chỉ ở trụ ngày, mà còn xuất hiện ở trụ năm, vì một khi đã xung là ảnh hưởng toàn bộ trọng tâm của Bát tự, đây là đại nạn. Khi tuổi gặp phải vận Thiên khắc địa xung, hoặc tháng xung, năm xung thì đều không nên đi lại nhiều mà nên nghỉ ngơi trong nhà, đây cũng là một cách để đề phòng vận hạn.

Cho dễ hiểu là Quý Anh nên cẩn trọng với những năm có sự xuất hiện của các Can Chi xung khắc với túc trụ, những năm đó rất xấu với Quý Anh, đặc biệt là ở trụ ngày. Quý Anh hãy nhìn lá số, ô nào có hình tin chớp màu đỏ là bị thiên khắc địa xung tại đó.



Bản Tra Ngũ Hành Tương Ứng:

Ngũ hành	Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	Thủy
Thời gian trong ngày	Rạng sáng	Giữa trưa	Chiều	Tối	Nửa đêm
Giai đoạn	Sinh Dương cực	Hoàn chỉnh Dương cực	Âm-Dương cân bằng	Sinh Âm cực	Hoàn chỉnh Âm cực

Nghề Hành	Màu sinh	Màu Song	Cảm giác	Khu nhỏ	Bảo tồn
Bốn phương	Đông	Nam	Trung tâm	Tây	Bắc
Bốn mùa	Xuân	Hạ	Giao mùa (18 ngày cuối các mùa)	Thu	Đông
Thời tiết	Gió (Ấm)	Nóng	Âm	Mát (sương)	Lạnh
Màu sắc	Xanh Lục	Đỏ	Vàng	Trắng/Da Cam	Đen/Xanh lam
Thế đất	Dài	Nhỏ	Vuông	Tròn	Ngoắn ngòe
Trạng thái	Sinh	Trưởng	Hóa	Thâu	Tàng
Vật biểu	Thanh Long	Chu Tước	Kỳ Lân	Bạch Hổ	Huyền Vũ
Mùi vị	Chua	Đắng	Ngọt	Cay	Mặn
Cơ thể	Gân	Mạch	Thịt	Da lông	Xương tuỷ não
Ngũ tạng	Can (gan)	Tâm (tim)	Tỳ (hệ tiêu hoá)	Phế (phổi)	Thận
Lục phủ	Đởm (mật)	Tiểu trướng (ruột non)	Vị (dạ dày)	Đại trướng (ruột già)	Bàng quang
Ngũ khiếu	Mắt	Lưỡi	Miệng	Mũi	Tai
Ngũ tân	Bùn phân	Mồ hôi	Nước dãi	Nước mắt	Nước tiểu
Ngũ đức	Nhân	Lễ	Tín	Nghĩa	Trí
Xúc cảm	Giận	Mừng	Lo	Buồn	Sợ
Giọng	Ca	Cười	Khóc	Nói (la, hé, hô)	Rên
Thú nuôi	Chó	Dê/Cừu	Trâu/Bò	Gà	Heo
Hoa quả	Mận	Mơ	Táo tàu	Đào	Hạt dẻ
Ngũ cốc	Lúa mì	Đậu	Gạo	Ngô	Hạt kê
Thập can	+Giáp, -Ất	+Bính, -Đinh	+Mậu, -Kỷ	+Canh, -Tân	+Nhâm, -Quý
Thập nhị chi	+Dần, -Mão	-Tỵ, +Ngọ	+Thìn, +Tuất, -Sửu, -Mùi	+Thân, -Dậu	+Tý, -Hợi
Trạng Thái	Sinh Trưởng	Nhiệt Năng	Đất Đai	Cứng rắn, Cố kết	Lưu Động, Không ngừng

Bình Giải Chung

Tổng Quan Người Thuộc Mộc

Theo sách tướng Á Đông thì người thuộc Mộc có nước da hơi xanh, hai bàn tay dài, ngón tay ngón chân dài, mũi dài, thân mình cao vừa phải và hơi gầy; chân mày thưa, râu cũng thưa; cầm vuông, miệng vuông; môi hơi dày, răng bằng và hai răng cửa hơi lớn; đi đứng nhanh nhẹn, cử chỉ lạnh lẽo, tiếng nói đều nhưng âm lượng hơi cao. Nhìn chung, người thuộc Mộc ít gặp những bất trắc lớn trong cuộc đời, dẫu sống trong cảnh nghèo đói vẫn được yên ổn.

Người mà Mộc khí tú tuyệt thì lông mày không ngay ngắn, cổ dài, yết hầu lộ, da thịt kém tươi, tính cách biền lận, hay lừa dối.

Nhin chung, người thuộc Mộc hợp với phuơng Đông, làm về các nghề mộc, giấy, tròng hoa, cây giống, hương liệu, đồ tế lễ hoặc kinh doanh về các nghề trên thì thường dễ dàng, may mắn.

Quý Anh Người Thuộc Mộc Vượng

Người Mộc vượng thường có tầm vóc cao, tay chân dài, khoé miệng tươi, sắc mặt sáng, da trắng đẹp. Là người thanh cao, khảng khái, có lòng bác ái. Tuy nhiên, nếu Mộc quá vượng thường hay mắc bệnh về gan, mật, thận kinh hoặc xương khớp.

Cung Mệnh ở Tuất sao Thiên át

Quý Anh có tài nghệ thuật, tính ôn hoà.

Trụ năm của Quý Anh có Kiêu

Trụ năm có thiên ấn (kiêu) nếu là kỵ thần thì phá bại tổ nghiệp, mất gia giáo, tốn gia đình, tọa dưỡng vận: được mẹ kế nuôi dưỡng. Nếu can thiên ấn mà chi tỷ kiêm thì làm con nuôi. Trường hợp thiên ấn gặp trường sinh thì mẹ đẻ vô duyên, được mẹ kế hoặc mẹ nuôi dưỡng.

Trụ tháng của Quý Anh có Chánh Ân

Trụ tháng có chính ấn (ấn): Thông minh nhân từ, một đời bình an ít bệnh tật. Nếu bốn can không có thiên tài (Tài) thì múa bút thành danh. Trường hợp gặp tháng chi cũng có chính ấn và ngày chi xung thì nhà mẹ trước kia lưu lạc.

Trụ ngày của Quý Anh có Thiên Quan

Trụ ngày có Thiên quan (sát) thì bạn đời tính cứng rắn, thích bạo động, nếu không có thực thần chế thì vợ chồng bất hòa, lại gặp xung thì lâm tai nhiều bệnh. Nếu có thực thần chế hoặc hợp thành tương khích thì có thể giải. Nếu 4 can đều có thiên quan (sát) mà không có chế phục thì nhiều tai ho.a.

Trụ giờ của Quý Anh có Thiên Quan

Trụ giờ có thiên quan (sát) thì con cái tính cương trực. Trường hợp giờ can Thiên quan mà ngày chủ vượng, bốn can có sao tài, ấn thì đại phú quý, tài sản dồi dào. Trường hợp nữ có ngày tọa dương nhẫn thi khắc chồng. Nếu giờ can thiên quan mà có chế thì sinh quý tử nhưng xa con.

Trụ tú trụ có 2 Ngọ

Trụ có 2 ngọ nên coi chừng hạn năm ngọ vào tháng ngọ ngày tí hay hướng tí dễ bị nguy hiểm vì trụ có đủ cách tam hình.

Tú Trụ của Quý Anh có Thái cực quý nhân

Thái cực quý nhân: Dễ được cấp trên hay quý nhân giúp đỡ, về già hưởng phúc, kỵ không vong hình xung khắc phá.

Tú Trụ của Quý Anh có Thiên đức quý nhân

Thiên đức quý nhân: Tính nhân từ đôn hậu, một đời hưởng phúc ít gặp nguy hiểm, gặp hung hóa cát, hóa nguy hiểm thành đường đi tốt, chịu sự che chở của thần linh.

Tú Trụ của Quý Anh có Nguyệt đức quý nhân

Nguyệt đức quý nhân nếu có cả Thiên đức quý nhân thành mệnh mang Thiên Nguyệt Đức quý nhân: gặp hung hóa cát không gặp hình xung khắc phá đã tốt lại thêm tốt.

Tú Trụ của Quý Anh có Thiên át quý nhân

Thiên át quý nhân: Chủ về thông minh đầy đủ trí tuệ, gặp hung hóa cát dễ được quý nhân cất nhắc giúp đỡ. Gặp tam hợp, lục hợp thì phúc đức gia tăng, tài phú thịnh vượng. Nếu hợp hóa với hỷ dụng thần thì trăm sự đều thuận. Ở vận vượng thì phú quý, một đời ít bệnh.

Trụ tháng có Chính ấn và Dương nhẫn cùng trụ

Chính ấn và Dương nhẫn cùng trụ: tuy có công danh nhưng bị hãm vào bệnh tật.

Tú Trụ của Quý Anh có Dịch Mã

Dịch mã / Trạch mã sao chủ về di chuyển điều động. Gặp xung: như ngựa hoang chạy nhảy. gặp hợp như ngựa đã buộc dây đeo yên khó lòng bay nhảy. Năm vận gặp dịch mã thì di cư thay đổi nghề nghiệp hoặc ra nước ngoài.

Trụ ngày Dịch mã gặp Đào hoa

Dịch mã gặp Đào hoa: bản thân, phiêu bạt tứ xứ chết nơi đất khách.

Trụ ngày Dịch mã gặp Tử Tuyệt

Dịch mã đóng ở đất tử tuyệt, lại gặp không vong hình xung phá hoại thì gia đình bất an, phiêu bạt tứ xứ thường gặp vất vả.

Trụ ngày có Dịch mã và Ngày chủ mạnh

Ngày chủ mạnh: Tú trụ gặp dịch mã làm về nghành giao thông.

Cô thần Quả Tú(trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 130)

Những người mà trong mệnh gặp quả tú là những người có nét mặt không tươi vui, hơi khắc khổ, không lợi cho người thân. Nếu mệnh người đó sinh vượng thì còn đỡ, tử tuyệt thì nặng hơn, nếu gặp cả trạch mã thì lang thang bốn phương. Nếu gặp tuần không, vong là từ bé đã không có nơi nương tựa. Gặp tang điếu thì cha mẹ mất liền nhau, suốt đời hay gặp trùng tang hoặc tai họa chồng chất, anh em chia lìa, đơn hàn bất lợi. Gặp vận tốt thì việc hôn nhân muộn, gặp vận thấp kém thì lang thang dời chuyển mãi. Mệnh nam, sinh chồ vợ tuyệt lại còn gặp cô thần, thì suốt đời khó kết hôn, nữ mệnh sinh chồ chồng tuyệt còn gặp quả tú thì có lấy được chồng cũng khó mà bách niên giao lão. Nam gặp cô thần nhất định tha phuơng cầu thực, nữ gặp quả tú thường là mất chồng. Cô thần, quả tú người xưa bàn rất nhiều, chủ về nam nữ hôn nhân không thuận, mệnh khắc lục thân, tai vạ hình pháp, nhưng nếu trong tứ trụ phối hợp được tốt, còn có quý thần tương phù thì không đến nỗi nguy hại thậm chí "cô quả cả hai thần lại còn gặp qua ,ấn, thì nhất định làm đầu đảng ở rừng sâu". Nhưng hôn nhân thường không thuận là điều chắc, hơn nữa lúc phạm vào ngày tháng sẽ khắc phụ mâu.

Đức quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132)

Có đức quý nhân là tháng đó đức sinh vượng. Đức quý nhân là thần giải hung âm dương; Người trong mệnh có đức quý nhân mà không bị xung phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại đức quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng sủa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

Trạch mã (trích sách Nhập Môn Dự Đoán theo tứ trụ của Trần Viên trang 230)

Trạch mã là hổ, nhiều nhất là có tin mừng thăng quan tiến chức, ít nhất cũng là thu được lợi trong sự vận động. Mã là kị, nhiều nhất là bôn ba lao khổ, ít nhất là vất vả bận rộn. Mã gặp xung như tuần mã được thúc thêm; mã bị hợp hoặc bị hóa thì như mã bị trói. Mã tinh là thực thương nếu gặp tài vận là hổ, phát tài rất nhanh. Nhâm thân, quý dậu là kiếm phong mã, trụ ngày người như thế là gặp mã tinh. Người xưa nói: "Đầu ngựa treo kiếm là uy trấn biên cương". Mã tinh ở trụ giờ thì thường được điều động di xa, ra nước ngoài, v.v..

Đại hao / Nguyên thần (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 156)

Nguyên thần còn có tên là Đại hao, là không hợp. Dương sau âm trước là có gấp khúc, gấp khúc là việc không suôn sẻ; Âm sau Dương trước là thẳng nhưng không toại nguyện tức là việc có bạo động mà không trị được, nên gọi là nguyên thần.

Nguyên thần là thần hại trong mệnh. Người trong tứ trụ đã có Thất Sát làm hại, còn gặp phải nguyên thần thì hại càng nặng hơn, không có nguyên thần thì nhẹ.

Nguyên thần tuy xấu, lưu niên đại vận gặp là không tốt, nhưng biết được điều xấu, tránh xa phuơng của nguyên thần thì có thể vô hại.

Tướng tinh (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 136)

Người có tướng tinh giống như đại tướng giữ kiêm trong quân, nên lấy ngôi tam hợp làm tướng tinh.

Tướng tinh mừng có cát thần phù trợ là tốt, nếu gặp vong thần thì chỉ là quan rường cột của quốc gia.

Cho nên nói có cát tinh trợ giúp là sang, có thêm mộ kho, thuận tuý không tạp là cách xuất tướng nhập tướng.

Lời cổ nói: "Tướng tinh văn võ đều thích hợp, đều là lộc trọng quyền cao".

Mệnh có tướng tinh, nếu không bị phá hại thì chỉ về đường quan lộ hiển đạt; tứ trụ phối hợp được tốt thì là người nắm quyền bính.

Tướng tinh đóng ở chính quan là tốt, nếu đóng ở thất sát, sống dê thì chủ về quyền sinh sát; nếu đóng ở chính tài thì chủ về nắm quyền tài chính.

Nếu làm những nghề khác thì nói chung đều thành công.

Tướng tinh là ngôi sao quyền lực, có tài tổ chức lãnh đạo, chỉ huy, có uy trong quần chúng.

Nhưng nếu bị tử tuyệt xung phá thì bất lợi, nếu hợp với hung tinh thì tăng thêm khí thế cho hung tinh.

Nếu mệnh kị kiếp tài gặp phải tướng tinh thì điều hại càng tăng gấp bội.

Ông Bà Cha Mẹ

Kinh nghiệm cuộc sống cho ta biết, phàm là người có một ít thành đạt trong sự nghiệp đều là những người nghe lời cha mẹ, không quên công ơn dưỡng dục của cha mẹ. Đó cũng là những người con có hiếu. Còn những người lười biếng, ích kỷ, không coi trọng chữ tín, làm những điều tai ác ngược đao lý ở đời, ngược với lợi ích của xã hội và nhân dân thì đều là những người không có hiếu.

Hiếu kính cha mẹ là thiên đức làm người, cũng là cơ sở để thành công trong sự nghiệp. Ngày xưa các vua khi tuyển dụng người tài, đầu tiên xem người đó có phải là người con hiếu không. Vì người ta cho rằng, ngay đến cha mẹ là người sinh thành dưỡng dục mà mình cũng không có hiếu thì làm sao có thể tận trung với vua được. Cách nói đó rất có lý. Ngày nay không ít người khi kết bạn, tìm người yêu, có những Giám đốc khi tuyển dụng người giúp việc hoặc thư ký cũng đều lấy chữ hiếu làm điều kiện quan trọng. Vì người hiếu kính với cha mẹ phần nhiều trung thành với bạn bè, trung thực trong tình yêu, tận tâm với công việc và với lãnh đạo, tận tình trong chức trách và luôn có tinh thần phấn đấu vươn lên, không ghen rối trong tập thể.

Trụ năm hoặc trụ tháng Quý Anh gấp 2 quý nhân trở lên

Trụ năm hoặc trụ tháng gấp quý nhân là cha mẹ đẹp và nho nhã, thanh lịch.

Can năm hoặc chi năm, can tháng hoặc chi tháng là hỉ thần, hoặc dung thần là được hưởng phúc tổ tiên hoặc được cha mẹ nuông chiều.

Một người có thể rất hiếu thuận với cha mẹ nhưng trong Tứ trụ lại khắc cha, khắc mẹ, đó là điều khách quan. Người khắc nhẹ thì không có lợi cho cha mẹ, khắc nặng có thể khắc chết. Như có người khắc cha mẹ từ thời kỳ còn nhỏ đã mất cha mẹ, thậm chí có những em bé mệnh cứng, tính khắc rất mạnh vừa sinh ra mẹ không chết thì cha chết, thậm chí mất cả cha lẫn mẹ trở thành trẻ mồ côi rất đáng thương.

Tứ trụ của một người có thông tin khắc cha mẹ thì dùng biện pháp gì để hóa giải được ? Đây là vấn đề mà mỗi người nên quan tâm. Căn cứ tổng kết các Tứ trụ, phàm những người có con tính khắc mạnh mẽ, nói chung là người ấy có tài, sau khi lớn lên không làm quan to thì cũng là người phú quý giàu sang. Do đó cách giải phải căn cứ vào tính khắc to hay nhỏ mà quyết định. Đối với những người con có tính khắc mạnh thì nên đưa lên chùa để cho những người tu hành nuôi dưỡng. Cũng có người lại nhờ người bồ mẹ nuôi. Có người từ nhỏ đã phải nhờ các nhà sư làm thầy. Những trẻ em như thế sẽ có lợi cho cha mẹ. Hoặc đối với những trẻ em bị cha mẹ khắc cũng làm như thế thì cha mẹ mới vẹn toàn và cũng không bị mất con. Nếu không dùng cách giải cứu đó thì hoặc cha mẹ không song toàn, hoặc không bảo đảm được con cái. Cho nên xưa nay có không ít những danh nhân hay người giàu ban đầu được lớn lên từ trong chùa, đến khi học được văn võ song toàn sau đó mới ra đời lập nghiệp. Thực tế chứng minh rằng một người trong Tứ trụ có tiêu chí thông tin khắc cha mẹ, nếu sống xa cha mẹ thì có thể tránh được sự xung khắc đó.

Ngày giáp ất gặp vận dần mão.

Ngày giáp ất gặp đại vận lưu niên có dần mão là chủ về kiếp tài, phá tài, khắc cha mẹ và gặp những việc phải tranh giành nhau.

Đề cương lệnh tháng bị xung khắc thì gây tổn thất cho cha mẹ và người thân, hoặc bị lì dì.

Ấn bị xung khắc là mẹ hiền nhưng mất sớm.

Ấn thụ bị khắc là mẹ không chết thì cũng đi xa.

Trong Tứ trụ Quý Anh tài nhiều làm tổn thương ấn

Trong Tứ trụ tài nhiều làm tổn thương ấn thì tuổi trẻ đã khắc mẹ. Ấn bị thương nên mẹ mất sớm. Tuổi nhỏ đã mất mẹ chỉ vì trong Tứ trụ tài nhiều làm cho ấn bị chết.

Trụ năm Quý Anh là dụng thần nếu gặp đại vận lưu niên bị thiên khắc địa xung là có tang cha mẹ.

Đến năm tuế vận có can chi mà bị thiên khắc địa xung là có tang cha mẹ.

Trong Tứ trụ Quý Anh đều có chính ấn và thiên ấn thì nhất định là có mẹ kế.

Có người sản nghiệp ông cha hùng hậu, nhưng Tứ trụ của mình lại thân nhược không thể thăng tài cho nên không thừa kế nổi sản nghiệp của ông cha, thậm chí ngày càng nghèo đi. Cuối cùng sản nghiệp của ông cha bị tan nát vì tay mình, với người như thế không thể nói là có mệnh phú quý cho dù ở trong một gia đình giàu có. Ngược lại, có những đời ông cha nghèo khổ, nhưng tổ hợp sắp xếp Tứ trụ của người đó tốt, chẳng qua vì vận tốt đến thì trở thành phú ông giàu có. Người có mệnh như thế gọi là mệnh phú quý.

Trụ năm, trụ tháng có tài, quan, ân là ba đời giàu sang.

Trụ năm làm dụng thần thì được hưởng tài sản tổ nghiệp để lại.

Ân thụ không bị thương tổn, lại còn sinh cho thân thì nhà cửa sang quý.

Ngày thông với lệnh tháng là nhờ tổ tiên mà yên ổn.

Lệnh tháng bị xung khắc thì bại sản tổ nghiệp.

Năm tháng xung nhau thì khó giữ được tổ nghiệp.

Tài tinh bị phá cũng là rời bỏ quê hương.

Kiêng thần đóng ở trụ năm là rời bỏ quê hương.

Sát nhiều là tuy đang yên nhưng phải phòng xa sự nguy hại.

Tứ trụ đều có kiêng, ân là ông cha lênh đênh phiêu bạt.

Tài tinh bị phá là lúc hết ruộng vườn, đi khỏi quê hương.

Anh Em Huynh Dệ

Quý Anh Thân vượng và có ân là anh chị em nhiều.

Trụ ngày Quý Anh yêu, mà không có tì kiép thì lấy ân để tính số lượng anh em.

Lệnh tháng Quý Anh gặp xung là anh em mỗi người một phương.

Gia Đạo Tình Duyên

Trước khi vào phần bình giải về gia đạo tình duyên thì chúng tôi xin đưa ra những tuổi hợp với Quý Anh về hôn nhân như sau.

Quý Anh Nam tuổi **Nhâm Ngọ** hợp với Nữ tuổi **Canh Dần - Tân Mão** về hôn sự.

Chúng tôi lấy trụ năm của nam nữ tương sinh tương hợp làm chính chứ không đòi hỏi mệnh của nam nữ tương sinh. Nếu trụ năm của hai bên tương sinh tương hợp, mệnh năm lại tương sinh thì tất nhiên càng tốt. Chúng tôi chọn tuổi phòi hôn nam nữ là chọn những năm sinh phòi hôn tốt nhất, lý tưởng nhất, là lấy theo đề phòng khắc chồng khắc vợ làm mục tiêu chính. Bên cạnh đó những phương pháp phòi hôn theo cách cổ đại vẫn có thể dùng được. Nói như thế nghĩa là chọn cách phòi hôn theo chúng tôi cũng được hoặc theo cách cổ cũng được, Quý Anh có thể tuỳ ý chọn.

Quý Anh có Thiên đức, nguyệt đức không bị những cái khắc làm nhiễu loạn thì người đó áo gấm mũ vàng.

Quý Anh có Thất sát đóng ở trụ ngày thì vợ chồng bất hòa, không chia tay nhau sẽ gặp điều xấu.

Kiép tài của nam là vợ

Chi ngày là sao vợ, tháng là cung hôn nhân, ngày là cung phòi hôn.

Chi ngày Quý Anh là dần thân tị hợi thì vợ đôn hậu

Mệnh nam Quý Anh lấy vượng làm phúc.

Quý Anh có Mã nhập cung thê là được người vợ đảm đang.

Quý Anh Vận nam hợp với tài là vợ sớm.

Ở tuổi thanh niên nếu đại vận lưu niên gặp Kiếp Tài thì sẽ kết hôn năm đó.

Đại vận, lưu niên tam hợp tài là có tin mừng về cưới hỏi.

Trong Tứ trụ tài làm dụng thần thì vợ hiền đẹp, nội trợ giỏi.

Trụ ngày Quý Anh có mã tinh mà không bị xung phá là lấy được vợ đẹp.

Quý Anh Người trong Tứ trụ không có kinh dương, hành vận đến lúc gặp kinh dương thì hao tài và khắc vợ con

Quý Anh Nam gặp mộ tuyệt là vợ có bệnh hoặc tính nết không hiền lành, hoặc vợ đến tuổi cao vẫn còn tái giá.

Thân vượng nhưng không có chỗ dựa là tổn thương vợ.

Quý Anh có Sao thê mất lệnh là ly hôn giữa chừng.

Quý Anh có Trạch mã đóng ở trụ ngày là vợ nhiều bệnh hoặc lười biếng.

Quý Anh có Trụ ngày gặp thất sát là chủ về có vợ hung bạo, sát chồng.

Quý Anh có Chi ngày là thất sát, thiên ấn là vợ cả, vợ lẽ bất hòa.

Công Danh Sự Nghiệp

Tài vận với tứ trụ

Một người có cửa hay không, hoặc cửa nhiều hay ít, khi nào thì gặp vận có cửa, tìm nó ở phuơng nào, nguồn của nó ra sao, khi nào cầu tài hay đầu tư có lợi, tất cả những điều này liên quan ít nhiều đến phát tài, đều được tàng chứa trong Tứ trụ giờ sinh tháng đẻ của mỗi người. Do đó bắt kể là đơn vị quốc doanh hay cá nhân, nếu không biết được các thông tin về tài vận, không nắm được thời cơ tài vận mà mở doanh nghiệp một cách mù quáng thì nhất định khó tránh khỏi được hao tài tổn của.

Cũng có người nhìn thấy người khác làm ăn nên nỗi, tự mình đã qua nên không thể nào phát tài được nữa. Người xưa có câu : "Có cửa không bằng sắp phát tài, sắp phát tài không bằng biết giữ của lại". Cho nên muốn biết được các thông tin về tài vận, phải hướng đến điều may, tránh xa cái bất lợi, trước phải dự đoán sau mới hành động. Như thế mới gọi là "tự mình nắm vững vận mệnh của mình". Đối với từng người là thế , đối với các xí nghiệp nhà nước lại càng cần phải thế.

Quý Anh Tài tinh nhập mộ thì vợ tính nhởn nhèn, quý của hơn người.

Tài nên tàng ẩn, tàng thì phong phú hùng hậu, Quý Anh có tài tàng ẩn

Tài Quý Anh có kho, phát tài thì có thể giữ được

Quý Anh có Tài, Tài là thê tinh, có tài thì có vợ, ngược lại thì khó khăn.

Quý Anh có Tài, Tài là nguyên thần của quan tinh, không có cửa thì khó mà quyền quý.

Quý Anh Thân vượng, tài nhiều là tiền của vừa ý.

Tài tinh Quý Anh nhập mộ khi được xung phá thì tiền của đầy kho.

Khi đến thời vận hoặc năm xung phá Tài mộ ở tứ trụ thì phát tài, còn gọi là mở kho.

Trụ giờ Quý Anh có mã tinh, không bị xung phá là lấy được vợ đẹp, được cửa từ bên ngoài đến, sinh con vinh hiển, tài sản hùng hậu. Đó không phải là của cha mẹ để lại, mà là được từ bên ngoài đưa đến, nên cần kiệm, không nên tiêu phí.

Quý Anh có tài nhiều lại dựa vào ấn thụ để hộ thân là người có vợ hiền, con đẹp, cuối đời hạnh phúc.

Quý Anh Có tài gặp sát, người tuổi dần, ngọ, tuất gặp tân sửu, người tị, dậu, sửu gặp ất mùi, người thân, tỵ, thìn gặp bính tuất ; người hợi, mão, mùi gặp mậu thìn, như thế gọi là thê tài tụ hội. Người gặp như thế sẽ giàu, nhưng phải đề phòng vợ làm hại.

Quý Anh có Thương quan sinh tài thì sẽ tự nhiên giàu có.

Quý Anh Thân vượng có thể thành gia lập nghiệp

Bản thân Quý Anh khắc trach mã là phát của ở nước ngoài.

Thương quan bị thương tổn khi hết thương tổn, trở lại sinh tài thì chau báu tự nhiên mà đến.

Thất sát có chế ngự là người đại quý.

Trụ tháng Quý Anh gặp ấn thụ là người giàu sang, vinh hiển.

Tài của địa chi phục ám sinh thì nhờ đó dần dần giàu có.

Quan tinh Quý Anh là lộc, tài tinh là mã, hành đến tài vận thì sẽ giàu.

Quý Anh có Ân nhiều hành đến tài vận sẽ phát phúc.

Trụ ngày Quý Anh là giáp ất, đến vận mà gặp dần mao thì kiếp tài phá tài.

Quý Anh Thân vượng, ân vượng là tiền hao tán không tụ, chẳng thà rằng trữ của, bất động sản còn hơn.

Tài nên tàng ẩn, không nên để lộ, lộ thì dễ bị tranh giành.

Quý Anh có 3 Tài ẩn

Kiêu thần mừng nhất gặp những năm vận có Tài tinh, Quý Anh thân vượng gặp được là phúc.

Quý Anh Thân vượng đến đại vận lưu niên nếu gặp tỷ kiếp thì năm đó phá tài bại nghiệp.

Ví dụ đến đại vận(10 năm) và lưu niên(1 năm) có cả tỷ và kiếp.

Tứ trụ Quý Anh không có tài để giữ cho mình khi ra ngoài cầu tài cần phải cẩn thận.

Quan Vận

Quan Ân Quý Anh ở trụ năm và tháng, làm quan hay lui lui cung điện.

Tứ trụ Quý Anh Sát vượng, thân vượng là quan thanh liêm (Trong trụ không có chút Quan tinh nào).

Quý Anh Ân lâm Thiên Ất, mấy đời làm quan.

Quý Anh có Tài trước, sau là Ân, mỗi năm thăng quan một lần (Trụ năm Tài trụ tháng Ân hoặc tháng Tài giờ Ân).

Thất Sát Quý Anh có chế ngự, hưởng lộc phong hậu.

Quý Anh có Sát Ân đồng vị, ăn to nói lớn, gặp vận tốt sẽ có chức vị cao trong quân đội.

Quý Anh có Thương Quan gặp Tài, quan cao mà tiền tài cũng khá.

Quý Anh Vào ra nơi quyền quý, trên đầu quý nhân phải là Quan tinh (Trụ tháng có Thiên Ất quý nhân).

Quý Anh có Thương Quan đới Ân, nhậm chức chinh đốn kỷ cương trong triều.

Quý Anh có Quan Sát hỗn tạp, không quý hiển được.

Quý Anh có Tài Quan Ân đều toàn, thi đậu cao, dễ nổi danh.

Quý Anh có Thiên Nguyệt Đức lâm Tướng tinh, đậu cao.

Thiên Quan Quý Anh bị chế phục thái quá, là nhà Nho nghèo, thời nay là nhà giáo.

Ân Quý Anh bị phá Tài bị thương, đừng ham tìm kiếm công danh.

Quý Anh có Thương Quan đới Ân, có đam thức thao lược, thành công vượt quá sức tưởng tượng của mọi người.

Nghề Nghiệp

Quý Anh có Sát Ân tương sinh, hợp theo nghề quân sự hoặc bác sĩ ngoại khoa, hoặc nhân viên cao cấp của xí nghiệp.

Quý Anh có Tài Quan phù trợ lẫn nhau, nên học chính trị, pháp luật hoặc tài chính.

Quý Anh có Sát Án tương sinh, hợp nghề võ, như quân sự, cảnh sát.

Mạng Quý Anh có Dịch Mã, hợp ngành nghề lưu động hoặc chức vụ ngoại giao.

Nhật chủ quá yếu, hợp mày nghề kỹ xảo, nhất nghệ tinh nhất thân vinh.

Trụ Quý Anh có Thiên Ân (Kiêu), rất nhạy cảm với sự việc, cho nên hợp mày nghề điều tra, trinh sát, tình báo, và cũng hợp những nghề không chính thống như nghệ nhân, mở quán, minh tinh, hoặc những nghề làm ăn dựa vào nhân duyên.

Quý Anh có Tài chế Thiên Ân, sẽ thành công trong ngành nghề thực nghiệp (sản xuất).

Quý Anh có Chính Quan Thiên Ân tương sinh, nghề gì có làm công ăn lương là hợp.

Quý Anh Có Tài tinh và Dịch Mã, hợp giao thông vận tải, buôn bán, thông tin, truyền thông...

Quý Anh có Thiên Tài gấp Thương Quan, theo nghề có tính thách thức, mạo hiểm, đầu cơ như mậu dịch, gia công, nghiệp vụ, marketing...

Quý Anh có Thiên Tài gấp Chính Quan, nên theo nghề công vụ viên, thư ký, hành chính...

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Kim

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Kim, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới kim, như kinh doanh dụng cụ kim loại, máy móc của nhà máy, xe hơi, giao thông, tiền tệ, electronics, công trình, khai khoáng. Sự nghiệp phát triển lợi hướng Trung Tây, không lợi Đông Nam.

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Hỏa

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Anh là **Hỏa**, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới hỏa, như nhà máy, lò gạch, phát sáng, dầu, xi măng, ăn uống nóng, thực phẩm, quân giới, bách hóa, phát điện, diễn thuyết, chính trị, tôn giáo. Lợi Đông Nam, không lợi Tây Bắc.

Con Cái

Trẻ em sau khi sinh nói chung can ngày nên có khí, lệnh tháng sinh phù, trụ năm phải tốt, ấn tinh không bị thương tổn, tài quan có chế ngự, thất sát được hóa giải, thương quan có hợp khí trung hoà, không gặp hình xung khắc hại, thì em bé đó dễ nuôi và sống lâu.

Xem con cái nhiều hay ít chủ yếu phải xem sự vượng suy của trụ giờ và phải xem trong Tú trụ tử tinh (thực thần, thương quan) có bị khắc không. Người mà sinh tử tinh suy, tử tuyệt lại còn bị khắc hại tất sẽ không có con cái. Nếu sinh ngày canh, giờ ngọ, canh lầy át mộc làm vợ, át mộc sinh hoả khắc canh kim, giờ ngọ hoả ở vượng địa, là lộc của đinh hỏa cho nên sinh con cái nhiều mà phú quý. Nếu sinh vào các giờ tuất, hợi, tý là đât hỏa tuyệt thì con cái ít hoặc đứa con sinh ra cô độc, nghèo hèn, hoặc về sau trở thành tăng đạo.

Trụ nhật Quý Anh làm dụng thần là con nhà hiền mà tháo vát.

Ngôi con ở đất vượng tướng là con thông minh, hiền hiếu, làm rạng rõ tổ tiên.

Dụng thần ở trụ giờ là con cái giúp đỡ được cha mẹ.

Can giờ Quý Anh suy là sinh con gái.

Trụ giờ Quý Anh gặp thiên đức, nguyệt đức là con cái hiếu thuận.

Quý Anh có Thiên đức, nguyệt đức đóng ở trụ giờ là con cái hiền lành.

Phàm trẻ em sinh vào ngày, giờ giáp át, thì mặt có ấn đường rộng, mắt có thần, nhân trung dài, lông mày đẹp.

Sinh vào ngày giờ canh thì mặt vuông, trán rộng.

Trụ ngày có thất sát lúc sinh vắng mặt cha.

Người sinh vào các giờ tí, ngọ, mão, dậu là lúc sinh ra nằm ngửa.

Cha có thát sát là sinh con trai, quan tinh là sinh cùn gái. Mẹ có thát sát là sinh con gái, quan tinh là sinh con trai.

Cha có thương quan là sinh con gái, thực thần là sinh con trai. Mẹ có thương quan là sinh con trai, thực thần là sinh con gái.

Quý Anh có Can ngày can giờ khắc nhau nên lần sinh đầu là con trai.

Quý Anh có Can ngày, can giờ là ngang vai nên lần sinh đầu là con gái.

Quý Anh có Ân thụ, kiêu thần là khó có con.

Quý Anh Tuy thân mạnh nhưng bị sát xì hơi là con cái ít và không phát đạt.

Quý Anh có thát sát đóng ở trụ giờ thì con cái tính hung bạo, không nghe lời.

Quý Anh Trụ giờ gặp kình dương hoặc thương quan là làm tổn hại con cái.

Giờ khắc can ngày là con không kính trọng cha.

Quý Anh Trong trụ có kim thuỷ thì đứa con chậm nói.

Trong trụ Quý Anh thát sát nhiều lại không bị chế ngự là không có con.

Quý Anh Trụ ngày có sát, kiêu là vợ nhiều đẻ ít.

Về dự đoán đứa con chúng tôi chú trọng nghiên cứu lần sinh thứ nhất là con trai hay con gái và như thế nào thì sinh con trai, thế nào là sinh con gái. Còn những mặt khác chỉ nghiên cứu chung chung.

Sức Khẻo & Bệnh Tật

Trụ Quý Anh có Thiên đức Nguyệt đức, cả đời ít bệnh.

Quý Anh Sinh mùa đông, mạng không có hỏa, chi dưới bị hàn lạnh.

Quý Anh có Nhật tọa Kiêu, hoặc Kiêu nhiều, bệnh do ăn uống mà gây ra.

Quý Anh có Thương quan bị chế phục thái quá, đề phòng mắt đau, chân đau.

Mộc hỏa tương sinh mà lại quá vượng, thường cảm thấy tỳ vị căng đầy, sức ăn vẫn bình thường nhưng hễ ăn vô liền thấy no hoặc bị đè ép, ợ hơi, buồn nôn.

Thủy mộc tương sinh mà quá vượng, nên chú ý tỳ vị hư, buồn nôn, hôi miệng, ợ hơi, kém ăn, thân thể suy nhược, mạch trầm yếu, phần bụng mềm yếu vô lực, mặt thiếu huyết sắc.

Thổ hư mộc vượng, nhất định tỳ vị bị tổn thương.

Thủy mộc sinh lẫn nhau, tỳ vị thương tổn.

Hướng Dẫn Xem

Hướng Dẫn Cách Xem Vòng Trường Sinh

Trong lá số tứ trụ sau mỗi Can Chi (can là giáp ất bính đinh..., chi là tú sửu dần mão...) hay sau Thập Thần thì chúng ta đều thấy những tên trong vòng trường sinh xuất hiện như Đế Vượng, Lâm Quan, Quan Đới... Suy, Bệnh, Tử... Những tên trong vòng trường sinh đó cho ta biết sự mạnh yếu đối với cặp Can Chi đó hay sự mạnh yếu của 10 thần như; Tài, Quan, Ân, Tỷ, Kiếp...

Sự mạnh yếu đôi khi có lợi và đôi khi có hại cho ta, ví dụ như gặp hung tinh tức cái khắc ta, nếu hung tinh đó yếu thì sự ảnh hưởng của nó sẽ nhỏ đi, còn đối với phúc tài tinh nếu mạnh thì sẽ phù trợ ta tốt hơn. Riêng Mộ còn gọi là Kho, Tài mà có kho tức có nơi giữ tài, rất tốt.

Tóm lại vòng trường sinh cho ta biết sự mạnh yếu của từng sao, để biết sự mạnh yếu đến đâu thì Quý Anh

hãy nhìn bản điểm.

Vòng Trường Sinh	Thai	Dưỡng	Trường Sinh	Mộc Dục	Quan Dối	Lâm Quan	Đế Vượng	Suy	Bệnh	Tử	Mộ	Tuyệt
Điểm	4.1	4.1	6	7	8	9	10	5.1	4.8	3	3	3.1

Hướng Dẫn Cách Xem Thập Thần

Thập thần còn được gọi là 10 thần, 10 thần này gồm có: **Thương**(Thương Quan), **Thực**(Thực Thần), **Tài**(Chánh Tài), **T.Tài**(Phiến Tài,Thiên Tài), **Quan**(Chánh Quan), **Sát**(Thất Sát), **Án**(Chánh Án), **Kiêu**(Phiến Án, Thiên Án), **Kiếp**(Kiếp Tài), **Tỷ**(kiên).

10 thần này đại diện cho tất cả những thứ chung quanh ta như: Ông bà, cha mẹ, cấp trên xếp, anh chị, bạn bè, vợ chồng, chính ta, con cái, tiền tài, sự nghiệp... Dựa vào sự xuất hiện của 10 thần trên lá số và kết hợp sự mạnh yếu của vòng trường sinh sẽ cho ta biết sự mạnh yếu của từng thần mà giải đoán lá số.

Quý Anh hãy xem hình minh họa phía dưới, những ô mà chúng tôi đóng khung đỏ bao gồm các Thần và vòng trường sinh, đó là những thứ liên quan với nhau về sự mạnh yếu, để biết mạnh yếu thì nhìn vòng trường sinh.

Nhìn vào hình minh họa chúng ta sẽ thấy các ô chữ nhật dài màu đỏ đầu tiên là những "lộ" thần, còn gọi là thần của Thiên Can, đây là những thần chính của tú trụ, tượng trưng những thứ bộc lộ ra bên ngoài, đến ô chữ nhật dài thứ hai là can chi của từng trụ và Quý Anh có thể nhìn vòng trường sinh mà biết sơ về sự mạnh yếu của trụ đó, và để biết sự mạnh yếu của từng trụ phải phối hợp nhiều thành phần như sự xung khắc can chi ngũ hành giữ các trụ, sự bối cự các sao của trụ..., nếu Quý Anh chưa biết gì về tú trụ thì nên hiểu như vậy cho đỡ rối. Những (3) ô hình vuông xếp hàng dọc phía dưới là những thần tàng ẩn, còn gọi là thần của địa Chi, những thần này cho biết những sự việc tàng ẩn bên trong. Ví dụ ở thần lộ phía trên mà có Tài thì cho biết người đó hào phóng sang trọng(lộ ra ngoài), còn nếu có Tài ẩn và có Kho(mộ) như ở trụ năm cột thứ ba thì cho biết người này có tiền của(ẩn), bề ngoài thấy không sang trọng nhưng là người (sẽ) có tiền, và đôi khi kho chưa mở thì họ cũng không có tiền vì chưa gặp vận xung kho(phá mở kho).

Trụ Năm 1980	Trụ Tháng 04	Trụ Ngày 16	Trụ Giờ 17:17																																													
<table border="1"> <tr> <td>Thương</td> <td>Dưỡng</td> </tr> <tr> <td>CANH</td> <td>THÂN</td> </tr> <tr> <td>Canh</td> <td>Mậu</td> </tr> <tr> <td>Thương</td> <td>Kiếp</td> </tr> <tr> <td>Dưỡng</td> <td>Q.Đói</td> </tr> </table>	Thương	Dưỡng	CANH	THÂN	Canh	Mậu	Thương	Kiếp	Dưỡng	Q.Đói	<table border="1"> <tr> <td>Thương</td> <td>Dưỡng</td> </tr> <tr> <td>CANH</td> <td>THÌN</td> </tr> <tr> <td>Mậu</td> <td>Ất</td> </tr> <tr> <td>Kiếp</td> <td>Sát</td> </tr> <tr> <td>Q.Đói</td> <td>Q.Đói</td> </tr> </table>	Thương	Dưỡng	CANH	THÌN	Mậu	Ất	Kiếp	Sát	Q.Đói	Q.Đói	<table border="1"> <tr> <td>Thần</td> <td>Tỷ</td> <td>Suy</td> </tr> <tr> <td>KỶ</td> <td>MÙI</td> <td>Q.Đói</td> </tr> <tr> <td>Kỷ</td> <td>Át</td> <td>Đinh</td> </tr> <tr> <td>Tỷ</td> <td>Sát</td> <td>Kiêu</td> </tr> <tr> <td>Suy</td> <td>Q.Đói</td> <td>Suy</td> </tr> </table>	Thần	Tỷ	Suy	KỶ	MÙI	Q.Đói	Kỷ	Át	Đinh	Tỷ	Sát	Kiêu	Suy	Q.Đói	Suy	<table border="1"> <tr> <td>T.Tài</td> <td>Dưỡng</td> </tr> <tr> <td>QUÝ</td> <td>DẬU</td> </tr> <tr> <td></td> <td>Bệnh</td> </tr> <tr> <td>Tân</td> <td>Thực</td> </tr> <tr> <td></td> <td>Mộ</td> </tr> </table>	T.Tài	Dưỡng	QUÝ	DẬU		Bệnh	Tân	Thực		Mộ
Thương	Dưỡng																																															
CANH	THÂN																																															
Canh	Mậu																																															
Thương	Kiếp																																															
Dưỡng	Q.Đói																																															
Thương	Dưỡng																																															
CANH	THÌN																																															
Mậu	Ất																																															
Kiếp	Sát																																															
Q.Đói	Q.Đói																																															
Thần	Tỷ	Suy																																														
KỶ	MÙI	Q.Đói																																														
Kỷ	Át	Đinh																																														
Tỷ	Sát	Kiêu																																														
Suy	Q.Đói	Suy																																														
T.Tài	Dưỡng																																															
QUÝ	DẬU																																															
	Bệnh																																															
Tân	Thực																																															
	Mộ																																															

Ý Nghĩa của từng trụ:

- Trụ năm tượng trưng cho ông bà và tuổi thiếu niên của Quý Anh
- Trụ tháng tượng trưng cho cha mẹ và tuổi thanh niên của Quý Anh
- Trụ ngày tượng trưng cho bản thân, vợ chồng và tuổi trung niên của Quý Anh
- Trụ giờ tượng trưng cho con cái và tuổi già của Quý Anh

Ý Nghĩa của 10 thần:

1. Quan (Chính quan) là cái khắc tôi, đại diện cho quan chức tốt, chính trực trong chính quyền điều hành xã hội, mà con người phải tuân theo pháp luật nhà nước, nói chung chính quan được coi là cát thần, nhất là khi Thân vượng.

Công năng của chính quan trong mệnh là bảo vệ tài, áp chế Thân, khống chế Tỷ và Kiếp. Thân vượng tài nhược thì nên có chính quan để bảo vệ tài. Thân vượng mà ẩn nhược thì chính quan sẽ sinh ẩn và chế ngự Thân cho bớt vượng. Thân vượng kiếp nhiều thì chính quan sẽ khắc chế kiếp.

Trong mệnh chính quan đại diện cho chức vụ, học vị, thi cử, bầu cử, danh dự... Với nam Chính quan còn đại diện cho tình cảm với con gái. Vì nam lấy tài làm vợ, tài sinh quan và sát là con, nên nam lấy quan làm con gái, sát làm con trai (vì âm, dương khác với nhật can là con gái, giống là con trai).

Tâm tính của chính quan : chính trực, có tinh thần trách nhiệm, đoan trang nghiêm túc, làm việc có đầu có đuôi. Nhưng dễ bảo thủ cứng nhắc, thậm chí là người không kiên nghị.

2. Sát (Thất sát, thiên quan) là cái khắc tôi, nó thường đại diện cho quan lại xấu trong chính quyền. Trong

mệnh thắt sát chuyên tấn công lại Thân, cho nên Thân dễ bị tổn thương, khi đó cần có thực thương tới để khắc chế thắt sát thì lại trở thành tốt (nghĩa là bắt quan xấu phải phục vụ cho mình “thắt sát hóa thành quyền bính”). Nói chung khi Thân nhược thắt sát được coi là hung thần.

Công năng của thắt sát làm tần hao tài, sinh ấn, công phá Thân, khắc chế tỳ kiếp.

Trong mệnh thắt đại diện cho chức vụ về quân cảnh, hoặc nghề tư pháp, thi cử, bầu cử ... Với nam thắt sát còn đại diện cho tình cảm với con trai.

Tâm tính của thắt sát, hào hiệp, năng động, uy nghiêm, nhanh nhẹn... Nhưng dễ bị kích động, thậm chí dễ trở thành người ngang ngược, trụy lạc...

3. Án (Chánh án) là cái sinh ra tội, khi Thân nhược thường được coi là cát thần, án có nghĩa là con dâu, đại diện cho chức vụ, quyền lợi, học hành, nghề nghiệp, học thuật, sự nghiệp, danh dự, địa vị, phúc thọ... Chính án là sao thuộc về học thuật và còn đại diện cho tình cảm của mẹ đẻ.

Công năng của chính án, sinh Thân, xì hơi quan sát, chống lại thực thương.

Tâm tính của chính án, thông minh, nhân từ, không tham danh lợi, chịu đựng nhưng ít khi tiến thủ, thậm chí còn chậm chạp, trì trệ....

4. Kiêu (Thiên án) là cái sinh phù tội, đại diện cho quyền uy trong nghề nghiệp như nghệ thuật, nghệ sĩ, y học, luật sư, tôn giáo, kỹ thuật, nghề tự do, những thành tích trong dịch vụ.... Nó còn đại diện cho tình cảm của dì ghè.

Công năng của thiên án sinh Thân, xì hơi quan sát để sinh cho Thân, chống lại thực thương . Mệnh có thiên án có thể phù trợ cho Thân nhược. Nhưng gặp thực thần là mệnh lao dịch, vất vả. Thiên án quá nhiều thì đó là người phúc bạc, bất hạnh, tật bệnh hoặc con cái khó khăn khi đó chỉ có thiên tài mới có thể giải được các hạn này. Người mà túc trụ có Thân vượng, còn có kiêu, tài và quan tất là người phú quý. Mệnh có thiên án lại còn gặp quan sát hỗn tạp (có cả chính quan và thiên quan, không tính Quan và Sát là tạp khí) là người thắng lợi nhiều mà thất bại cũng lắm. Nói chung khi Thân vượng thiên án được coi là hung thần.

Tâm tính của thiên án, tinh thông tay nghề, phản ứng nhanh nhạy, nhiều tài nghệ, nhưng dễ cô độc, thiếu tính người, thậm chí ích kỷ, ghê lạnh...

5. Tỷ (Kiên, Ngang vai) là ngang tói (là can có cùng hành và cùng dậu với Nhật Can), gọi tắt là tỷ. Đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, đồng nghiệp, cùng phe phái, tranh lợi, đoạt tài, khắc vợ, khắc cha ,... Nữ đại diện cho tình chị em, nam đại biểu cho tình anh em.

Công năng của ngang vai có thể giúp Thân khi Thân nhược, cũng như tài nhiều (của cải nhiều) nhờ ngang vai giúp Thân để khỏi mất của. Nhưng Thân vượng lại có ngang vai nhiều mà không bị chế ngự là tay chân cấp dưới không hòa thuận, hoặc kết hôn muộn, tính tình thô bạo, cứng nhắc, cố chấp, không hòa hợp với cộng đồng, khắc cha, khắc vợ, làm nhiều mà không gặp tiền của.

Tâm tính của ngang vai, khắc chấn, cương nghị, mạo hiểm, dũng cảm, có chí tiến thủ, nhưng dễ cô độc, ít hòa nhập, thậm chí cô lập, đơn cô. Nói chung khi thân vượng ngang vai được coi là hung thần (vì lúc đó nó tranh đoạt tài với Thân).

6. Kiếp tài cũng là ngang tói (là can cùng hành nhưng khác dậu với Nhật Can), gọi tắt là kiếp. Nó đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, tranh lợi đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, lang thang... Thân vượng mà có nhiều kiếp cũng giống như ngang vai ở trên. Nữ đại diện cho tình anh em, nam đại diện cho tình chị em....

Công năng của kiếp cũng giống như của ngang vai.

Tâm tính của kiếp tài là nhiệt tình, thẳng thắn, ý chí kiên nhẫn, phần đầu bất khuất, nhưng dễ thiên về mù quáng, thiếu lý trí, thậm chí mạnh động, liều lĩnh....

7. Thực (Thực thần) là cái mà nhật can sinh ra (cùng dậu với Nhật Can). Đại diện cho phúc thọ, người béo, có lộc. Nữ đại diện cho tình cảm với con gái.

Công năng của thực thần làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thắt sát, làm quan bị tổn thương. Khi gặp sát thì có thể chế phục làm cho Thân được yên ổn không có tai họa, nên nói chung được xem là cát thần.

Tâm tính của thực thần, ôn hòa, rộng rãi với mọi người, hiền lành, thân mật, ra vẻ tốt bè ngoài nhưng trong không thực bụng, thậm chí nhút nhát, giả tạo. Can chi đều có thực thần thì phúc lộc dồi dào, nhưng không thích hợp cho người công chức mà thích hợp với những người làm nghề tự do. Mệnh nữ có thực thần là hay khinh rẻ chồng. Thực và sát cùng một trụ là người có dịp nắm quyền bính nhưng dễ bị vất vả, lao khổ, tai ách và ít con. Can có thực thần, chi có ngang vai là chủ về người có thân thích, bạn hữu hoặc tay chân giúp đỡ. Can là thực thần, chi là kiếp tài là chủ về người phúc đức giàu có, khi gặp điều xấu vẫn có lợi. Thực thần có cả kiếp tài, thiên ân đi kèm là người dễ đoán thọ (?). Người tài nhiều thì diêm phúc ít. Thực thần lâm trường sinh vượng địa hoặc cát thần thì phúc lộc nhiều, phần nhiều là người phúc lộc họ toàn diện. Thực thần lâm tử, tuyệt, suy thì phúc ít, bạc mệnh. Thực thần lâm mộc địa là người dễ chết yểu (?).

8. Thương (Thương quan) cũng là cái nhật can sinh ra (nhưng khác dấu với Nhật Can). Đại diện cho bị mất chức, bỏ học, thôi việc, mất quyền, mất ngôi, không chúng tuyễn, không thi đỗ, không lợi cho người nhà và chồng. Nữ đại diện cho tình cảm với con trai.

Công năng của thương quan làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm thương tổn quan. Sợ nhất là “thương quan gấp quan là họa trăm đường ập đến”. Nói chung thương quan được xem là hung thần, nhất là khi Thân nhược.

Tâm tính thông minh, hoạt bát, tài hoa dồi dào, hiếu thắng, nhưng dễ tùy tiện, thiếu sự kiềm chế ràng buộc, thậm chí tự do vô chính phủ....

Người thương quan lộ rõ (lộ và vượng) tâm tính thanh cao hiên ngang, dám chửi mắng cả quỷ thần. Nhật Can vượng thì lại càng hung hăng hơn, loại người này tính xấu. Những người bè trên cũng không dám đụng đến nó, kẻ tiểu nhân thì càng sợ mà lánh cho xa. Nhưng thương quan vượng mà Thân nhược thì tính tình vẫn là thương quan, chỉ có điều không ghê gớm đến như thế. Thương quan trong tú trụ nếu có Thân vượng thì nó là hỷ dụng thần khi hành đến vận tài phú quý tự nhiên đến.

9. Tài (Chính tài) là cái bị Thân khắc (có dấu khác với Nhật Can) là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho tài lộc, sản nghiệp, tài vận, tiền lương. Còn đại diện cho vợ cả (với nam).

Công năng là sinh quan và sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần làm hại chính án. Nói chung chính tài được coi là cát thần.

Tâm tính cẩn cù, tiết kiệm, chắc chắn, thật thà, nhưng dễ thiên về cẩu thả, thiếu tính tiến thủ, thậm chí trở thành nhu nhược, không có tài năng....

Người Thân vượng, tài vượng là bậc phú ông trong thiên hạ, nếu có cả chính quan là phú quý song toàn, nam thì được vợ hiền nội trợ tốt. Ngược lại người Thân nhược mà tài vượng thì không những nghèo mà cầu tài rất khó khăn, trong nhà vợ nắm quyền hành. Tài nhiều thường không lợi cho đường học hành, là người dốt nát. Địa chi tàng tài là tài phong phú, tài thấu ra là người khảng khái. Tài có kho (ví dụ : nếu ất là tài thì kho là dần và mao hay tàng trong các chi Thổ) khi gặp xung tất sẽ phát tài (như tài là Ất, Mậu hay Quý tàng trong Thìn khi gặp Tuất ở tuế vận xung Thìn). Thân vượng có chính tài còn gặp thực thần là được vợ hiền giúp đỡ. Chính tài và kiếp tài cùng xuất hiện trong tú trụ thì trong cuộc đời dễ gặp phải tiểu nhân nên tài dễ bị tổn thất.

10 T.Tài (Thiên tài) cũng là cái bị Thân khắc (nhưng cùng dấu với Nhật Can) cũng là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho của riêng, trúng thường, phát tài nhanh, đánh bạc, tình cảm với cha. Với nam còn đại diện cho tình cảm với vợ lẽ.

Công năng của thiên tài: sinh quan sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần, làm hại chính án. Nói chung thiên tài được coi là cát thần.

Tâm tính của thiên tài, khảng khái, trọng tình cảm, thông minh, nhạy bén, lạc quan, phóng khoáng, nhưng dễ thiên về ba hoa, bè ngoài, thiếu sự kiềm chế, thậm chí là người phù phiếm....

Thiên tài đại diện cho cha hoặc vợ lẽ, hoặc nguồn của cải bằng nghề phụ. Thân vượng, tài vượng, quan vượng thì danh lợi đều có, phú quý song toàn. Thiên tài thấu can thì kỵ nhất gặp tỷ và kiếp, vì như thế vừa khắc cha lại làm tổn hại vợ (với nam). Can chi đều có thiên tài là người xa quê lập nghiệp trở lên giàu có, tình duyên tốt đẹp, của cải nhiều. Thiên tài được lệnh (vượng ở tháng sinh) là cha con hoặc thê thiếp hòa thuận, được của nhò cha hoặc nhò vợ, cha và vợ đều sống lâu, vinh hiển (?). Thiên tài lâm mộc dục là người háo

sắc phong lưu. Thiên tài lâm mộ địa là cha hoặc vợ dễ chết sớm (?).

Qua phần luận đoán vừa nói trên, chúng tôi hy vọng Quý Anh đã có được lời giải đáp cho vận mệnh của Quý Anh. Quý Anh có thể xem thêm phần [tử vi bình giải](#) để nắm rõ hơn các chi tiết khác về vận mệnh Quý Anh.

Xem Tướng chấm net chân thành chúc Quý Anh Xemtuong thật nhiều sức khỏe và vạn sự như ý.

Trân Trọng.

XemTuong.net